

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2019

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn xuân Thống - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm bút lục vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Tổ 1, phường Ngh, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th; sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn Nghĩa Thuận, xã Đ, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Năm 2014 chị Phạm Thị D kết hôn với anh Phạm Văn Th tại UBND xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Trong quá chung sống anh phạm Văn Th không chăm lo cho hạnh phúc gia đình và có hành vi bạo lực. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, chị D xin được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Hải Anh, sinh ngày 12/7/2014. Do anh Th thường xuyên vắng nhà nên thể trực tiếp chăm con nên chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần anh Phạm Văn Th nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên Tòa chị Phạm Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên đã gây khó khăn cho tòa án thu thập chứng cứ.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Thôn Nghĩa Thuận, xã Đ, thị xã Gia Nghĩa nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Năm 2014 chị D kết hôn với anh Phạm Văn Th tại UBND xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh Th thường xuyên vắng nhà đi đâu không rõ, không chăm lo cho cuộc sống gia đình và có hành vi bạo lực gia đình. Điều này phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú và chính quyền địa phương; vì vậy, yêu cầu của chị D xin được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”...

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng và tài sản chung: Nguyên đơn chị Phạm Thị D không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị D phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/KH-TP ngày 29/02/2014 do UBND xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cấp cho anh Phạm Văn Th và chị Phạm Thị D không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Hải Anh, sinh ngày 12/7/2014 cho chị Phạm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000185 ngày 27/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX Gia Nghĩa;
- CCTHA DS TX Gia Nghĩa;
- UBND phường Nghĩa Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Giang